

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Hướng dẫn giao, nhận và hoàn trả
vốn đầu tư tài sản lưới điện hạ áp nông thôn

Căn cứ Luật Điện lực số 28/2004/QH 11 ngày 03 tháng 12 năm 2004;
Luật số 24/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012 Sửa đổi, bổ sung một số
điều Luật Điện lực;

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 về việc
quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công
Thương;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của
Chính phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của
Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 21/2009/QĐ-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2009 của
Thủ tướng Chính phủ về giá bán điện năm 2009 và các năm 2010 – 2012 theo
cơ chế thị trường;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải tại Công
văn số 1287/VPCP-KTN ngày 02 tháng 03 năm 2009 về việc hướng dẫn thực
hiện giao, nhận và hoàn trả vốn lưới điện hạ áp nông thôn;

Thực hiện Quyết định số 854/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 2012 của Thủ
tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư giai
đoạn 2011 – 2015 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Công thương, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư
liên tịch hướng dẫn giao, nhận và hoàn trả vốn đầu tư tài sản lưới điện hạ áp
nông thôn.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư liên tịch này quy định về việc giao nhận tài sản lưới điện hạ
áp nông thôn (LĐHANT) bao gồm: phương pháp xác định giá trị tài sản

LĐHANT trong giao nhận; hồ sơ giao nhận; trình tự giao nhận; phương thức hoàn trả vốn; nguồn vốn hoàn trả và trách nhiệm của các bên có liên quan trong giao nhận tài sản LĐHANT.

2. Thông tư liên tịch này áp dụng đối với các chủ sở hữu tài sản LĐHANT (sau đây gọi tắt là Bên Giao), các Tổng công ty Điện lực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) hoặc các Công ty Điện lực được các Tổng công ty Điện lực ủy quyền (sau đây gọi tắt là Bên Nhận); Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động giao nhận và hoàn trả vốn đầu tư công trình LĐHANT theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch này.

3. Đối tượng bàn giao là các công trình LĐHANT đã có Quyết định phê duyệt đầu tư của cấp có thẩm quyền trước ngày có hiệu lực (ngày 12 tháng 02 năm 2009) của Quyết định số 21/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 12 tháng 02 năm 2009 về giá bán điện năm 2009 và các năm 2010 - 2012 theo cơ chế thị trường.

Các công trình LĐHANT được đầu tư sau ngày 12 tháng 02 năm 2009 nếu chủ sở hữu tài sản LĐHANT có nhu cầu bàn giao cho các đơn vị thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam thì do hai bên tự thỏa thuận việc giao nhận theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư liên tịch này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tài sản lưới điện hạ áp nông thôn giao nhận* bao gồm phần lưới điện có điện áp đến 0,4 kV gồm đường trục và nhánh rẽ được xác định từ thiết bị đóng cắt tổng (cầu dao, áp tô mát) phía thứ cấp của máy biến áp 6÷35/0,4 kV cấp điện cho các thôn, xã đến công tơ đo đếm điện năng của hộ sử dụng điện nông thôn thuộc tài sản của các tổ chức quản lý điện nông thôn làm chủ sở hữu hoặc được chủ sở hữu ủy quyền quản lý, vận hành nay được chuyển giao cho các Tổng công ty Điện lực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) quản lý và bán điện trực tiếp đến hộ nông thôn.

2. *Bên giao* là chủ sở hữu hoặc đại diện hợp pháp chủ sở hữu tài sản LĐHANT như: Công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân, các tổ chức được chủ sở hữu tài sản LĐHANT ủy quyền thực hiện bàn giao (tổ chức quản lý điện nông thôn địa phương (gọi tắt là LDU); Ban quản lý dự án năng lượng nông thôn II; Ban quản lý dự án, công trình thuộc các địa phương); hợp tác xã; cá nhân tự nguyện bàn giao hay thuộc đối tượng bắt buộc bàn giao theo quyết định của UBND tỉnh/thành phố do không có đủ điều kiện kinh doanh bán lẻ điện theo biểu giá điện sinh hoạt bậc thang được quy định tại Điều 4 Quyết định số 21/2009/QĐ-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về giá bán điện năm 2009 và các năm 2010 – 2012 theo cơ chế

thị trường và quy định hiện hành của Bộ Công Thương về giá bán điện và hướng dẫn thực hiện.

Trường hợp không xác định được chủ sở hữu tài sản LDHANT, Chủ tịch UBND các tỉnh/thành phố chỉ định cơ quan, tổ chức có liên quan làm đại diện Bên giao.

3. *Bên nhận* là các Tổng công ty Điện lực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam hoặc các công ty Điện lực được các Tổng công ty Điện lực uỷ quyền.

Chương II

HỒ SƠ GIAO NHẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN LƯỚI ĐIỆN HẠ ÁP NÔNG THÔN TRONG GIAO NHẬN

Điều 3. Hồ sơ giao nhận

Hồ sơ giao nhận tài sản LDHANT gồm có hồ sơ gốc theo quy định và hồ sơ được lập tại thời điểm giao, nhận. Cụ thể như sau:

1. Hồ sơ gốc bao gồm:

a) Quyết định đầu tư, thiết kế kỹ thuật và dự toán được duyệt, biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình.

Đối với tài sản LDHANT bàn giao được hình thành từ dự án Năng lượng nông thôn II (gọi tắt là dự án REII), ngoài các tài liệu trên, hồ sơ gốc còn bao gồm: hồ sơ kỹ thuật; Bản vẽ hoàn công; hồ sơ mặt bằng thực trạng LDHANT; hồ sơ đất đai liên quan đến việc cấp đất hoặc giao đất để đầu tư công trình và các giấy tờ khác có liên quan (nếu có).

b) Các chứng từ sổ sách kế toán liên quan đến việc xác định nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản LDHANT bàn giao, cơ cấu nguồn vốn đã đầu tư công trình, báo cáo quyết toán công trình được phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

c) Hợp đồng vay vốn của các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước, các tổ chức kinh tế khác (kể cả vay của các đơn vị thi công); các chứng từ chứng minh khoản phải trả khác; biên bản đối chiếu công nợ có xác nhận nợ của các tổ chức tín dụng hoặc bên cho vay, bên cho nợ; hồ sơ thanh quyết toán (liên quan đến tài sản lưới điện bàn giao) có xác nhận số đã trả và số nợ còn phải trả đến thời điểm bàn giao (nếu có).

d) Giấy nợ đã vay của dân trên cơ sở các văn bản cam kết vay phải trả của Bên giao cho việc xây dựng công trình như: Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã hoặc Ủy ban nhân dân xã hoặc Nghị quyết của Đại hội xã viên hợp tác xã; các chứng từ sổ sách phản ánh số nợ đã trả và số nợ chưa trả đến thời điểm bàn giao công trình và các tài liệu liên quan khác (nếu có).

đ) Các chứng từ thể hiện vốn của cá nhân (phiếu thu, chứng từ góp vốn vào công ty cổ phần và các giấy tờ khác (nếu có)), vốn xã viên Hợp tác xã được sử dụng để xây dựng công trình.

2. Hồ sơ được lập tại thời điểm giao, nhận

Ngoài hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, Bên giao phối hợp với Bên nhận thực hiện lập hồ sơ tại thời điểm giao nhận theo những nội dung sau:

a) Lập hồ sơ mặt bằng hiện trạng lưới điện hạ áp nông thôn; Sơ đồ mặt bằng hiện trạng LDHANT bàn giao (trong trường hợp chưa có) và các văn bản khác có liên quan theo quy định tại Quyết định số 34/2006/QĐ-BCN ngày 13 tháng 9 năm 2006 của Bộ Công nghiệp về việc ban hành Quy định về kỹ thuật an toàn lưới điện hạ áp nông thôn.

Căn cứ vào Hồ sơ mặt bằng hiện trạng LDHANT bàn giao được lập, Bên giao phối hợp với Bên nhận trình Ủy ban nhân dân huyện xác nhận để làm cơ sở pháp lý cho việc vận hành, quản lý sau này.

b) Lập Biên bản giao nhận tài sản LDHANT theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 của Thông tư liên tịch này, gồm:

- Các hồ sơ gốc giao nhận tài sản LDHANT theo mẫu quy định tại Phụ lục 1.1 của Thông tư liên tịch này;

- Lập bảng tổng hợp khối lượng và phân tích giá trị còn lại của tài sản LDHANT theo mẫu quy định tại Phụ lục 1.2 hoặc Phụ lục 1.3 của Thông tư liên tịch này;

- Lập bảng kê xác định cơ cấu các nguồn vốn đã đầu tư LDHANT theo mẫu quy định tại Phụ lục 1.4 của Thông tư liên tịch này.

c) Lập Biên bản xác định giá trị còn lại tài sản LDHANT theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư liên tịch này.

3. Đối với các công trình đã bàn giao và hoàn tất thủ tục bàn giao đến trước ngày Thông tư có hiệu lực, hồ sơ được giữ nguyên và lập bổ sung Biên bản xác định phần vốn tổ chức, cá nhân được hoàn trả theo giá trị còn lại của tài sản LDHANT theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư liên tịch này.

Điều 4. Phương pháp xác định giá trị còn lại của tài sản bàn giao

Căn cứ vào tình hình thực tế về quản lý tài sản LDHANT của Bên giao, giá trị còn lại của tài sản LDHANT bàn giao được xác định theo một trong các phương pháp sau:

1. Phương pháp đánh giá theo sổ kế toán: áp dụng đối với những tài sản được quản lý và trích khấu hao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Giá trị còn lại của tài sản	=	Nguyên giá tài sản trên sổ kế toán	-	Giá trị hao mòn lũy kế tài sản trên sổ kế toán
-----------------------------	---	------------------------------------	---	--

2. Phương pháp đánh giá theo giá trị thực tế: áp dụng đối với những tài sản đã đưa vào quản lý sử dụng, nhưng không thực hiện theo dõi và trích khấu hao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Giá trị còn lại của tài sản bàn giao được xác định trên cơ sở chất lượng thực tế của tài sản bàn giao, cụ thể như sau:

Giá trị còn lại của tài sản	=	Số lượng thực tế của tài sản	x	Đơn giá của từng tài sản	x	Tỷ lệ chất lượng còn lại của từng tài sản (%)
-----------------------------	---	------------------------------	---	--------------------------	---	---

Trong đó:

a) Số lượng thực tế của tài sản được xác định trên cơ sở số liệu kiểm kê thực tế của LDHANT bàn giao;

b) Đơn giá của từng tài sản: được lấy theo đơn giá quy định tại thời điểm bàn giao của từng địa phương (do cấp tỉnh quy định) hoặc theo bộ đơn giá chuyên ngành điện;

c) Chất lượng còn lại của từng tài sản do Bên giao, Bên nhận xác định trên cơ sở chất lượng thực tế của tài sản.

3. Phương pháp đánh giá đối với tài sản LDHANT mới đầu tư:

Đối với công trình mới hoàn thành đầu tư xây dựng trong vòng 3 năm tính từ khi công trình hoàn thành đến khi có quyết định bàn giao: giá trị tài sản bàn giao được xác định căn cứ vào giá trị quyết toán công trình (hoặc quyết toán hạng mục công trình) được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trường hợp công trình hoàn thành chưa được cấp thẩm quyền phê duyệt quyết toán nhưng đã đưa vào sử dụng thì tại thời điểm giao nhận, giá trị tài sản bàn giao được tạm tính bằng tổng giá trị trúng thầu xây lắp và thiết bị được duyệt để làm cơ sở cho Hội đồng định giá tài sản trình UBND tỉnh/thành phố có Quyết định giá trị của tài sản tạm bàn giao cho Bên nhận. Giá trị tài sản LDHANT bàn giao chính thức sẽ được điều chỉnh sau khi công trình có quyết toán được cấp thẩm quyền phê duyệt.

4. Trường hợp Bên giao và Bên nhận không thống nhất được tỷ lệ chất lượng còn lại của tài sản bàn giao thì hai Bên thống nhất lựa chọn và ký hợp đồng thuê các tổ chức định giá được Bộ Tài chính công bố hàng năm để xác định giá trị tài sản còn lại của tài sản LDHANT để làm cơ sở giao nhận. Nếu hai

Bên không thống nhất được việc lựa chọn các tổ chức định giá để xác định giá trị còn lại của tài sản bàn giao thì Bên giao có trách nhiệm trình UBND cấp tỉnh/thành phố xem xét, quyết định lựa chọn tổ chức định giá để xác định giá trị còn lại của tài sản LĐHANT bàn giao.

Trong trường hợp chi phí thuê tổ chức định giá lớn hơn giá trị còn lại theo sổ sách kế toán của tài sản bàn giao thì Hội đồng định giá trình UBND cấp tỉnh/thành phố quyết định giá trị còn lại của tài sản bàn giao.

Các tổ chức định giá chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của kết quả định giá theo quy định của pháp luật. Căn cứ kết quả định giá của tổ chức định giá nêu trên, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Công Thương thẩm tra, báo cáo UBND tỉnh/thành phố phê duyệt. Chi phí thuê tổ chức định giá do Bên giao, Bên nhận cùng chịu trách nhiệm chi trả theo tỷ lệ bằng nhau.

5. Đối với những tài sản LĐHANT được đầu tư không đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định hiện hành như: đường dây hạ áp xây dựng bằng những cột tự tạo; công tơ điện không đúng quy định về mẫu mã, về thời hạn và chất lượng sử dụng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; các tài sản đánh giá lại có tỷ lệ chất lượng còn lại thấp hơn 20% thì trước mắt Bên giao có trách nhiệm thực hiện bàn giao nguyên trạng số tài sản này cho Bên nhận để tạm thời duy trì việc cấp điện cho dân.

Sau khi tiếp nhận, Bên nhận phải có kế hoạch bố trí vốn để nâng cấp, thay thế đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định để việc vận hành công trình điện được an toàn và có hiệu quả. Đồng thời Bên nhận có trách nhiệm phối hợp với Bên giao thu hồi tài sản không đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, tài sản có tỷ lệ chất lượng còn lại dưới 20% để trả lại cho Bên giao (Bên nhận không tăng vốn hoặc hoàn trả vốn đối với số tài sản này). Trong trường hợp đến thời điểm Bên nhận trả lại tài sản thu hồi cho Bên giao nhưng đơn vị Bên giao không còn tồn tại thì các tài sản này sẽ được trả lại cho đơn vị do UBND tỉnh/thành phố chỉ định.

Đối với những công tơ điện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt mẫu mã và còn thời gian sử dụng, sau khi thẩm định và hiệu chỉnh lại đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật thì hai Bên thỏa thuận trên cơ sở thống nhất chất lượng còn lại và giá cả thị trường đối với loại tài sản đó.

Điều 5. Xác định cơ cấu các nguồn vốn xây dựng công trình

Căn cứ vào hồ sơ tài sản LĐHANT bàn giao như quy định tại khoản 1 Điều 3 và sổ sách kế toán, chứng từ có liên quan của công trình đầu tư LĐHANT để xác định tổng số vốn đã đầu tư, phân loại từng nguồn vốn để làm cơ sở xử lý vốn, tài sản khi bàn giao theo quy định sau:

1. Vốn có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước bao gồm: từ ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương, vốn của các chương trình quốc gia, vốn từ nguồn

thuế nông nghiệp được miễn để đầu tư xây dựng công trình điện, vốn của doanh nghiệp do nhà nước sở hữu 100% vốn và phần vốn không xác minh được nguồn gốc.

2. Vốn của các tổ chức, cá nhân: Vốn của công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, vốn huy động của dân, vốn của cá nhân đóng góp.

3. Vốn vay của các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước và các đơn vị khác (kể cả khoản vay còn nợ của các đơn vị thi công), được xác định trên cơ sở kế ước vay (hợp đồng vay) tại thời điểm xây dựng công trình và có xác nhận của tổ chức tín dụng hoặc bên cho vay, bên cho nợ, biên bản đối chiếu công nợ đến thời điểm bàn giao.

4. Đối với công trình đầu tư chung, trong đó LĐHANT chỉ là một hạng mục của công trình, việc xác định cơ cấu nguồn vốn đầu tư LĐHANT được tính tương ứng theo tỷ trọng cơ cấu nguồn vốn đầu tư chung của cả công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt khi xây dựng công trình.

Chương III

NGUỒN VỐN HOÀN TRẢ VÀ PHƯƠNG THỨC HOÀN TRẢ VỐN TÀI SẢN LƯỚI ĐIỆN HẠ ÁP NÔNG THÔN

Điều 6. Nguyên tắc xử lý và hoàn trả vốn

Phần giá trị công trình LĐHANT bàn giao đã được xác định tại biên bản bàn giao và xác nhận từng nguồn vốn được xử lý theo nguyên tắc sau:

1. Đối với tài sản được đầu tư bằng nguồn vốn có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước: thực hiện tăng tài sản, tăng vốn thuộc nguồn ngân sách nhà nước cho Bên nhận theo giá trị còn lại thực tế của tài sản bàn giao và giảm tài sản, giảm vốn thuộc nguồn ngân sách nhà nước cho Bên giao theo giá trị sổ sách.

2. Đối với vốn của các tổ chức, cá nhân thì Bên nhận thực hiện hoàn trả theo giá trị còn lại thực tế của tài sản bàn giao. Bên giao nếu là doanh nghiệp được hạch toán khoản chênh lệch giữa giá trị còn lại trên sổ sách kế toán với giá trị còn lại thực tế của tài sản bàn giao vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động kinh doanh khác.

3. Trường hợp LĐHANT bàn giao được đầu tư từ nguồn vốn vay hoặc từ các khoản phải trả khác có cam kết trả: nếu đủ hồ sơ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 của Thông tư liên tịch này và được UBND cấp tỉnh/thành phố phê duyệt, Bên nhận thực hiện hoàn trả cho Bên giao số tiền vay còn nợ tổ chức tín dụng hoặc các đối tượng khác theo quy định trong hợp đồng vay hoặc kế ước vay nợ (mức tối đa không vượt quá giá trị còn lại thực tế của tài sản bàn giao), đồng

thời hạch toán tăng vốn kinh doanh thuộc nguồn Ngân sách nhà nước đối với số chênh lệch giữa giá trị tài sản thực nhận (sau khi đã đánh giá lại) với số tiền phải hoàn trả cho Bên giao (nếu có).

Trường hợp giá trị còn lại thực tế của tài sản thấp hơn số dư nợ vay/nợ phải trả còn lại, Bên giao hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh của đơn vị (nếu là doanh nghiệp) hoặc UBND tỉnh/thành phố cấp bù từ nguồn ngân sách địa phương (nếu công trình LĐHANT do UBND đầu tư) đối với phần giá trị chênh lệch để có nguồn trả nợ.

4. Trong trường hợp công trình được đầu tư bằng nhiều nguồn vốn khác nhau, căn cứ vào giá trị và cơ cấu nguồn vốn đầu tư ban đầu, hai Bên xác định tỷ lệ tương ứng vốn của từng nguồn vốn trong tổng giá trị còn lại của công trình bàn giao tại Biên bản bàn giao và thực hiện xử lý, hoàn trả vốn theo hướng dẫn tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này.

5. Để được hoàn trả vốn theo hướng dẫn nêu trên, chủ sở hữu hoặc đại diện chủ sở hữu công trình LĐHANT phải lập đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Thông tư liên tịch này. Hồ sơ để hoàn trả vốn tuyệt đối không được lập lại, sửa chữa, tẩy xóa các chứng từ, hồ sơ vay, nợ.

Trong trường hợp không còn hoặc không đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 3 nêu trên, Bên giao và Bên nhận cần lập biên bản miêu tả hiện trạng cụ thể hồ sơ của tài sản bàn giao (đặc biệt là đối với hồ sơ vay vốn và huy động vốn của các tổ chức, cá nhân) thực hiện đánh giá giá trị còn lại thực tế của tài sản bàn giao theo các phương pháp nêu tại Điều 4 của Thông tư liên tịch này, báo cáo Hội đồng định giá thẩm định để trình UBND tỉnh/thành phố xem xét quyết định.

6. Thời điểm xác định công trình LĐHANT bàn giao và hoàn trả vốn

a) Các công trình LĐHANT được bàn giao kể từ ngày Thông tư liên tịch này có hiệu lực thực hiện việc giao nhận và hoàn trả vốn theo quy định tại Thông tư liên tịch này.

b) Các công trình LĐHANT đã thực hiện bàn giao trước ngày Thông tư liên tịch này có hiệu lực thực hiện theo nội dung tại Quyết định hoặc Biên bản bàn giao. Đối với trường hợp Bên giao và Bên nhận có thỏa thuận tại Biên bản hoặc Quyết định bàn giao về việc hoàn trả vốn khi có hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền thì thực hiện việc hoàn trả vốn theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch này.

c) Đối với các công trình LĐHANT đã thực hiện bàn giao và hoàn thiện hồ sơ giao nhận trước ngày Thông tư liên tịch này có hiệu lực nhưng chưa có Quyết định phê duyệt giá trị tài sản bàn giao và hoàn trả vốn của cơ quan có thẩm quyền thì không phải lập lại hồ sơ giao nhận. Căn cứ vào hồ sơ giao nhận

đã được lập, Bên giao và Bên nhận trình UBND cấp tỉnh/thành phố phê duyệt giá trị còn lại của tài sản bàn giao và thực hiện hoàn trả vốn theo quy định tại Thông tư liên tịch này.

d) Đối với các công trình LDHANT đầu tư sau ngày có Quyết định số 21/2009/QĐ-TTg ngày 12 tháng 2 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về giá bán điện năm 2009 và các năm 2010 - 2012 theo cơ chế thị trường do các địa phương tự bố trí vốn để đầu tư, theo mục tiêu của địa phương, sau đó có nhu cầu bàn giao tài sản LDHANT cho ngành điện quản lý, chủ đầu tư có trách nhiệm thoả thuận bằng văn bản về việc giao nhận và hoàn trả vốn tài sản bàn giao với Tổng công ty Điện lực hoặc Công ty Điện lực được Tổng công ty Điện lực ủy quyền trước khi có quyết định đầu tư.

Điều 7. Nguồn vốn, thời gian và phương thức hoàn trả vốn

1. Nguồn vốn hoàn trả

Các công ty Điện lực được sử dụng nguồn vốn trích khấu hao hàng năm để hoàn trả vốn cho Bên giao hoặc UBND xã, các tổ chức (đối với các công trình LDHANT đầu tư từ nguồn vốn đóng góp của dân). Việc hoàn trả vốn được thực hiện tối đa là 36 tháng kể từ thời điểm Quyết định phê duyệt giá trị tài sản bàn giao của UBND tỉnh/thành phố có hiệu lực.

Riêng đối với tài sản LDHANT tiếp nhận thuộc dự án REII có nguồn vốn vay của Ngân hàng thế giới (WB), các Công ty Điện lực sử dụng nguồn vốn trích khấu hao hàng năm kể từ khi tiếp nhận tài sản LDHANT để hoàn trả vốn cho UBND các tỉnh/thành phố để UBND các tỉnh/thành phố có nguồn trả nợ cho Bộ Tài chính theo điều kiện quy định trong Hiệp định vay.

2. Phương thức hoàn trả

Căn cứ quyết định của UBND tỉnh/thành phố, các Công ty Điện lực nhận bàn giao công trình LDHANT nào thì thực hiện hoàn trả trực tiếp cho bên có công trình lưới điện bàn giao theo hồ sơ nhận bàn giao. Đối với các công trình LDHANT do huy động vốn góp của dân thì Công ty Điện lực chuyển tiền cho Ủy ban nhân dân xã nơi có công trình LDHANT bàn giao để UBND xã hoàn trả cho từng người dân có góp vốn.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM, TRÌNH TỰ GIAO NHẬN, QUẢN LÝ VÀ HOÀN TRẢ VỐN TÀI SẢN LƯỚI ĐIỆN HẠ ÁP NÔNG THÔN

Điều 8. Trách nhiệm của Bên giao và Bên nhận

1. Trách nhiệm Bên giao

Bên giao có trách nhiệm:

a) Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, chứng từ theo qui định tại Điều 3 của Thông tư liên tịch này, chủ trì cùng Bên nhận thực hiện kiểm kê, đánh giá giá trị còn lại của LDHANT; xác định cơ cấu các nguồn vốn đầu tư LDHANT.

b) Đối với trường hợp tài sản LDHANT bàn giao thuộc dự án REII được hình thành từ nguồn vốn vay của Ngân hàng thế giới (WB) phải có sự chấp thuận của Bên cho vay bằng văn bản.

c) Đối với các công trình LDHANT bàn giao mới đầu tư chưa có phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành, Bên giao (là các Ban Quản lý dự án thuộc các tỉnh, thành phố được giao quản lý công trình LDHANT bàn giao) có trách nhiệm lập hồ sơ quyết toán công trình và trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng trình tự và thời hạn được quy định tại Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn ngân sách, để làm căn cứ xác định giá trị tài sản LDHANT bàn giao và lập hồ sơ bàn giao tài sản theo quy định tại Điều 3 của Thông tư liên tịch này.

d) Cử người đại diện tham gia Hội đồng định giá tài sản LDHANT theo quy định tại Điều 9 của Thông tư liên tịch này.

đ) Thực hiện việc bàn giao tài sản LDHANT và bàn giao các hồ sơ có liên quan theo quy định tại Thông tư liên tịch này; Tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp nhận, quản lý, vận hành của Bên nhận.

e) Thông báo công khai cho dân và các bên liên quan biết phần vốn vay, vốn huy động, vốn đầu tư đã được chấp nhận hoàn trả và thực hiện hoàn trả theo quy định. Đồng thời có trách nhiệm hoàn trả vốn cho dân (đối với trường hợp vốn huy động của dân) và các Bên liên quan theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Trách nhiệm Bên nhận

Bên nhận có trách nhiệm:

a) Cùng với Bên giao kiểm kê, đánh giá giá trị còn lại của tài sản bàn giao; xác định cơ cấu nguồn vốn đã đầu tư tài sản lưới điện bàn giao và lập hồ sơ giao nhận theo quy định tại Điều 3 của Thông tư liên tịch này;

b) Cử người đại diện tham gia Hội đồng định giá tài sản LDHANT theo quy định tại Điều 9 của Thông tư liên tịch này.

c) Thực hiện tiếp nhận, quản lý lưới điện và các hồ sơ có liên quan đến việc giao nhận tài sản LDHANT. Sau khi nhận tài sản LDHANT bàn giao thực hiện hạch toán tăng tài sản và tăng vốn thuộc nguồn vốn nhà nước hoặc hoàn trả vốn.

d) Phối hợp với Bên giao thu hồi tài sản không đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, tài sản có tỷ lệ chất lượng còn lại dưới 20% để trả lại cho Bên giao (sau khi đã thay thế, đầu tư mới để đảm bảo điều kiện vận hành và bán điện).

đ) Tổ chức quản lý vận hành, cải tạo lưới điện theo đúng quy định của pháp luật. Lập kế hoạch và thực hiện việc hoàn trả vốn theo qui định tại Điều 6, Điều 7 của Thông tư liên tịch này.

Điều 9. Thành lập Hội đồng định giá tài sản LĐHANT

1. Hội đồng định giá tài sản LĐHANT cấp tỉnh/thành phố do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/thành phố quyết định thành lập. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch UBND tỉnh có thể ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện có đủ năng lực (nơi có tài sản LĐHANT bàn giao) thành lập Hội đồng định giá tài sản LĐHANT.

2. Thành viên Hội đồng định giá tài sản LĐHANT bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng định giá tài sản do Lãnh đạo tỉnh/thành phố phụ trách khối Công Thương đảm nhiệm hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trong trường hợp được ủy quyền.

b) Các thành viên là đại diện các ngành Tài chính, Công Thương cùng cấp, đại diện Bên giao, Bên nhận.

Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng định giá tài sản có thể mời thêm đại diện một số cơ quan ban ngành có liên quan tại địa phương tham gia Hội đồng định giá tài sản.

3. Hội đồng định giá tài sản LĐHANT có trách nhiệm tổ chức thẩm định, lập biên bản thẩm định giá trị còn lại của tài sản LĐHANT bàn giao và xác nhận cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo quy định tại Điều 5 của Thông tư liên tịch này; trình UBND tỉnh/thành phố phê duyệt để làm căn cứ hoàn trả vốn hoặc tăng vốn cho các Tổng công ty Điện lực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Điều 10. Chi phí cho hoạt động giao nhận tài sản LĐHANT

1. Đối với chi phí phục vụ công việc có liên quan đến công tác giao, nhận tài sản LĐHANT (chi phí đi lại, ăn nghỉ, công tác phí) do các đơn vị cử cán bộ tham gia có trách nhiệm thanh toán theo chế độ quy định và hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trường hợp Bên giao là cá nhân: chi phí phục vụ công việc có liên quan đến công tác giao nhận tài sản LĐHANT (chi phí đi lại, ăn nghỉ, công tác phí) do cá nhân tự thanh toán.

2. Các chi phí in ấn tài liệu, hội họp do Bên nhận chịu trách nhiệm chi và được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 11. Trình tự giao nhận tài sản LĐHANT và hoàn trả vốn

1. Căn cứ vào Quyết định của UBND tỉnh/thành phố phê duyệt danh sách các đơn vị thực hiện việc bàn giao tài sản LĐHANT cho Bên nhận quản lý hoặc thỏa thuận của bên Giao, Bên giao có trách nhiệm lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Thông tư liên tịch này gửi Bên nhận.

2. Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày Bên nhận nhận được hồ sơ do Bên giao gửi, Bên giao và Bên nhận tiến hành kiểm kê số lượng, đánh giá chất lượng còn lại của từng tài sản bàn giao theo hướng dẫn nêu trên; lập biên bản bàn giao tài sản LĐHANT và hoàn chỉnh hồ sơ giao nhận theo quy định tại Điều 3 của Thông tư liên tịch này, trình Hội đồng định giá tài sản thẩm định.

3. Trên cơ sở hồ sơ giao nhận do Bên giao và Bên nhận lập, Hội đồng định giá tài sản có trách nhiệm thẩm định giá trị tài sản còn lại, xác định cơ cấu nguồn vốn đầu tư, giá trị vốn vay còn nợ và số vốn được hoàn trả và trình UBND tỉnh/thành phố phê duyệt.

4. Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày Quyết định của UBND tỉnh/thành phố phê duyệt, hai Bên tiến hành bàn giao và tiếp nhận tài sản LĐHANT.

Việc thực hiện hạch toán tăng giảm tài sản, vốn hoặc hoàn trả vốn giữa hai Bên được thực hiện kể từ ngày có Quyết định của UBND tỉnh/thành phố phê duyệt giá trị tài sản bàn giao.

Thời gian hoàn trả vốn của Bên nhận cho Bên giao được thực hiện theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 của Thông tư liên tịch này. Bên nhận có trách nhiệm tiếp nhận tài sản LĐHANT, hạch toán theo dõi, quản lý vận hành và tổ chức bán điện trực tiếp đến hộ dân theo các quy định hiện hành.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm UBND tỉnh, thành phố

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có trách nhiệm:

1. Có Quyết định phê duyệt danh sách các tổ chức kinh doanh điện nông thôn trên địa bàn thực hiện bàn giao tài sản LĐHANT cho các Tổng công ty Điện lực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam quản lý (bao gồm: các tổ chức kinh doanh điện nông thôn không có đủ điều kiện kinh doanh bán lẻ điện theo biểu giá điện sinh hoạt bậc thang được quy định tại Điều 4 Quyết định số 21/2009/QĐ-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về giá bán điện năm 2009 và các năm 2010 – 2012 theo cơ chế thị trường và quy định hiện hành của Bộ Công Thương về giá bán điện và hướng dẫn thực hiện; các tổ chức kinh doanh điện nông thôn tự nguyện bàn giao tài sản LĐHANT).

2. Căn cứ vào kế hoạch bàn giao tài sản LĐHANT đã thỏa thuận với Công ty Điện lực thuộc các Tổng công ty Điện lực trong EVN chỉ đạo các tổ chức kinh doanh điện nông thôn trên địa bàn trong diện phải bàn giao cho ngành điện quản lý và các tổ chức kinh doanh điện nông thôn tự nguyện bàn giao thực hiện bàn giao tài sản LĐHANT theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch này cho các Tổng công ty Điện lực thuộc EVN.

3. Có Quyết định thành lập Hội đồng định giá tài sản LĐHANT tỉnh hoặc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện có đủ năng lực thành lập Hội đồng định giá tài sản LĐHANT cấp huyện (trong trường hợp cần thiết).

4. Chỉ định một tổ chức phù hợp làm đại diện của Bên giao trong trường hợp không xác định được chủ sở hữu tài sản LĐHANT bàn giao.

5. Có Quyết định lựa chọn tổ chức định giá xác định giá trị còn lại tài sản LĐHANT khi Bên giao và Bên nhận không thống nhất được tỷ lệ chất lượng còn lại của tài sản bàn giao.

6. Chỉ đạo Ban Quản lý dự án trên địa bàn được giao quản lý các công trình đầu tư LĐHANT (bao gồm cả các công trình LĐHANT thuộc dự án REII) hoàn thành các thủ tục, lập hồ sơ thanh quyết toán công trình hoàn thành và thực hiện quyết toán công trình hoàn thành (đối với những công trình chưa có quyết toán) theo quy định tại Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn ngân sách và bàn giao đầy đủ hồ sơ dự án cho Bên nhận.

7. Có Quyết định phê duyệt quyết toán công trình LĐHANT đã hoàn thành để làm cơ sở xác định giá trị tài sản bàn giao cho ngành điện quản lý.

8. Phê duyệt giá trị tài sản bàn giao, cơ cấu nguồn vốn đầu tư, giá trị vốn vay còn nợ và số vốn được hoàn trả để làm cơ sở cho Bên giao và Bên nhận thực hiện tăng giảm tài sản, vốn hoặc hoàn trả vốn theo quy định tại Thông tư liên tịch này.

Điều 13. Trách nhiệm của Tập đoàn Điện lực Việt Nam

Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm:

1. Chỉ đạo và hướng dẫn các Tổng công ty Điện lực phối hợp với Bên giao lập kế hoạch tiếp tục thực hiện Chương trình giao nhận và hoàn trả vốn đầu tư tài sản LĐHANT của các xã còn lại theo Quyết định số 854/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư giai đoạn 2011- 2015 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam; Tổ chức tiếp nhận, quản lý vận hành và bán điện trực tiếp đến hộ dân nông thôn; Lập kế hoạch bố trí vốn hoàn trả, vốn đầu tư, nâng cấp cải tạo LĐHANT để đảm bảo vận hành an toàn và kinh doanh bán điện lâu dài.

2. Định kỳ hàng năm (chậm nhất vào ngày 31 tháng 3) tổng hợp, báo cáo Bộ Công Thương, Bộ Tài chính về kết quả thực hiện giao, nhận tài sản LDHANT, giá trị tăng vốn, hoàn trả vốn của năm trước.

3. Sau khi kết thúc chương trình giao, nhận tài sản LDHANT có báo cáo tổng hợp gửi Bộ Tài chính, Bộ Công Thương về toàn bộ kết quả thực hiện giao, nhận tài sản, giá trị tăng vốn và hoàn trả vốn của chương trình giao, nhận tài sản LDHANT.

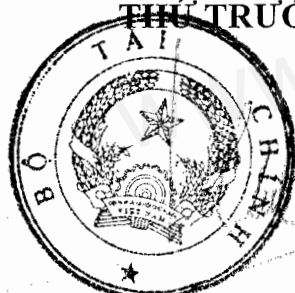
Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư liên tịch này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2014. Thông tư liên tịch này thay thế Thông tư liên tịch số 06/2010/TTLT/BCT- BTC ngày 03 tháng 02 năm 2010 của Bộ Công Thương và Bộ Tài chính hướng dẫn giao, nhận và hoàn trả vốn đầu tư lưới điện hạ áp nông thôn.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có những vướng mắc đề nghị các đơn vị, địa phương báo cáo Bộ Công Thương, Bộ Tài chính để kịp thời phối hợp giải quyết./.

KT.BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

THỦ TRƯỞNG



Trần Văn Hiếu

KT.BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

CHỦ TRƯỞNG



Lê Dương Quang

Nơi nhận :

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng CP;
- VP Quốc hội, VP Chủ tịch nước, VP Chính phủ, VP TW và các Ban của Đảng; VP Tổng Bí Thư;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Viện Kiểm soát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Sở Công Thương, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư Pháp);
- Tập đoàn Điện lực VN;
- Website: Chính phủ, BCT, BTC;
- Lưu: Bộ CT(VT,TC); Bộ TC(VT,Cục TCDN).

Phụ lục 1

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 32/2013/TTLT-BCT-BTC ngày 04 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và Bộ trưởng Bộ Tài chính)

UBND tỉnh, TP.:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 200....

BIÊN BẢN Giao nhận lưới điện hạ áp nông thôn

- Căn cứ Thông tư liên tịch số.../20.../TTLT-BCT-BTC ngày ...tháng ...năm 20... của Bộ trưởng Bộ Công Thương và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao, nhận và hoàn trả vốn đầu tư tài sản lưới điện hạ áp nông thôn;
- Căn cứ
- Căn cứ

Hôm nay, ngày tháng năm 20, tại

Bên

1. Ông: Chức vụ: (Chủ tài sản).
2. Ông: Chức vụ:
3. Ông: Chức vụ:
4. Ông: Chức vụ:
5. Ông: Chức vụ:

Bên nhận: Công ty Điện lực: thuộc Tổng Công ty Điện lực:

- 1 - Ông:
- 2 - Ông:
- 3 - Ông:
- 4 - Ông:
- 5 - Ông:

Sau khi kiểm tra hồ sơ và thực tế tại hiện trường LDHANT hiện có của, Bên giao đồng ý bàn giao và Bên nhận đồng ý tiếp nhận tài sản LDHANT tại để bên nhận quản lý bán điện trực tiếp đến hộ dân, cụ thể như sau:

I. Hồ sơ giao nhận lưới điện hạ áp nông thôn:

1. Hồ sơ gốc:

Được tổng hợp vào (Phụ lục 1.1) của Biên bản này.

2. Hồ sơ được lập tại thời điểm giao nhận:

- a) Sơ đồ mặt bằng thực trạng và sơ đồ hành lang tuyến đường dây LĐHANT;
- b) Bảng kiểm kê số lượng, chủng loại, chất lượng của thiết bị, vật tư đường dây hạ áp, xác định giá trị thực tế còn lại của tài sản lưới điện theo qui định tại Điều 4 mục II Thông tư
- c) Bảng kê xác định cơ cấu các nguồn vốn đã đầu tư LĐHANT theo qui định tại Điều 5 mục II Thông tư
- d) Biên bản xác định GTCL của tài sản LĐHANT bàn giao để HĐĐG tài sản LĐHANT cấp tỉnh thẩm định (theo mẫu quy định) và trình UBND tỉnh phê duyệt.
- đ) Biên bản giao nhận LĐHANT.

3. Khối lượng và phân tích giá trị thực tế còn lại tại thời điểm giao nhận:

(Chi tiết tại Phụ lục 1.2 và Phụ lục 1.3 kèm theo).

Tổng giá trị còn lại: triệu đồng.

4. Xác định cơ cấu các nguồn vốn đã đầu tư công trình:

4.1. Trường hợp nguồn vốn có đủ chứng từ gốc:

Tổng giá trị nguyên giá: đồng. Trong đó:

- Vốn từ ngân sách trung ương, địa phương, vốn từ nguồn thuế tài nguyên để lại cho địa phương, vốn các Dự án từ nguồn ngân sách, vốn từ nguồn thuế nông nghiệp được miễn để đầu tư xây dựng công trình điện, và phần vốn không xác minh được nguồn gốc: đồng.
- Vốn của cá nhân, tổ chức đồng, chiếm tỷ lệ so với nguyên giá: (..... %).
- Vốn vay:
 - o Vốn vay của dân có cam kết trả (theo giấy vay nợ): đồng.
 - o Vốn vay của Ngân hàng (có khế ước vay): đồng.
 - o Vốn vay của các tổ chức kinh tế khác (theo Hợp đồng vay): đồng.
 - o Vốn huy động của dân: đồng, tỷ lệ so với nguyên giá: (.... %).
 - o Nợ thi công (nếu có): đồng.
 - o Phần vốn vay của tổ chức nước ngoài do địa phương và CTĐL thống nhất
- **Tổng GTCL của tài sản giao, nhận:** đồng.

4.2. Trường hợp các nguồn vốn không có đủ hồ sơ chứng từ gốc:

Lập biên bản xác định cơ cấu các nguồn vốn (Phụ lục 1.4 đính kèm), có xác nhận của HĐND địa phương.

4.3. Xác định vốn hoàn trả:

- Vốn của cá nhân, tổ chức đồng, chiếm tỷ lệ so với nguyên giá: (..... %).
- Vốn vay:

- Vốn vay của dân có cam kết trả (theo giấy vay nợ): đồng.
- Vốn vay của Ngân hàng (có khế ước vay): đồng.
- Vốn vay của các tổ chức kinh tế khác (theo Hợp đồng vay): đồng.
- Vốn huy động của dân: đồng, tỷ lệ so với nguyên giá: (.... %).
- Nợ thi công (nếu có): đồng.

Tổng cộng vốn hoàn trả: đồng.

(Bằng chữ:)

II. Ý KIẾN CỦA HAI BÊN GIAO NHẬN

.....

Biên bản lập thành 05 bản: 02 bản gửi lên Hội đồng định giá tài sản lưới điện hạ áp nông thôn của tỉnh, 01 bản gửi Công ty Điện lực, 01 bản bên Giao và 01 bản bên Nhận.

BÊN GIAO
 Chủ sở hữu tài sản
 (ký tên và đóng dấu)

BÊN NHẬN
 Giám đốc Công ty Điện lực
 (Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 1.1

HỒ SƠ GỐC GIAO NHẬN TÀI SẢN LƯỚI ĐIỆN HẠ ÁP NÔNG THÔN

Nếu công trình LDHANT: - Còn dư nợ vốn vay phải trả;
- Vốn tổ chức (có hoàn trả), và vốn cá nhân.

TT	Tên Hồ sơ	Số văn bản	Ngày ký	Cấp xét duyệt	Ghi chú
1	1.1. Quyết định đầu tư. 1.2. Thiết kế - Kỹ thuật. 1.3. Dự toán được duyệt. 1.4. Biên bản nghiệm thu công trình.				
2	Sơ đồ mặt bằng thực trạng và sơ đồ hành lang tuyến đường dây;				
3	Các chứng từ sổ sách tài chính - kế toán liên quan đến việc xác định nguyên giá và GTCL của Tài sản LDHANT, cơ cấu vốn đầu tư, báo cáo quyết toán được duyệt: - - -				
4	Khế ước vay (hợp đồng vay): 4.1. Vay Ngân hàng. 4.2. Vay của các tổ chức kinh tế khác. 4.3. Biên bản đối chiếu công nợ. 4.4. Hồ sơ thanh quyết toán. 4.5. Các tài liệu khác.				
5	Hồ sơ vay nợ của dân (trên cơ sở các văn bản đã cam kết vay phải trả của bên Giao tại thời điểm xây dựng công trình): 5.1. Nghị quyết của HĐND, UBND xã 5.2. Nghị quyết của Đại hội xã viên. 5.3. Các chứng từ sổ sách phản ánh (đến thời điểm bàn giao công trình): - Số nợ đã trả. - Số nợ chưa trả. - Các tài liệu khác.				
6	Các chứng từ huy động vốn của dân và HTX tại thời điểm xây dựng công trình: 6.1. Nghị quyết của HĐND, UBND xã 6.2. Nghị quyết của Đại hội xã viên. 6.3. Các chứng từ sổ sách phản ánh (đến thời điểm bàn giao công trình): - Phiếu thu: - Danh sách huy động: -				

Phụ lục 1.2

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG VÀ PHÂN TÍCH GIÁ TRỊ THỰC TẾ CÒN LẠI CỦA TÀI SẢN LƯỚI ĐIỆN HẠ ÁP NÔNG THÔN

(Áp dụng cho phương pháp xác định theo sổ sách kế toán)

TT	Danh mục	Quy cách	Đơn vị	Năm đưa vào sử dụng	Khối lượng thực tế	Nguyên giá (đồng)	Giá trị hao mòn (%)	Giá trị còn lại (đồng)
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 5 - 6

BÊN GIAO:
(Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ)

- Ông: - Chức vụ:
- Ông: - Chức vụ:
- Ông: - Chức vụ:

BÊN NHẬN: (Điện lực)
(Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ)

- Ông: - Chức vụ:
- Ông: - Chức vụ:
- Ông: - Chức vụ:

Phụ lục 1.3

**BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG VÀ PHÂN TÍCH GIÁ TRỊ THỰC TẾ
CÒN LẠI CỦA TÀI SẢN LƯỚI ĐIỆN HẠ ÁP NÔNG THÔN**

(Áp dụng cho phương pháp Đánh giá theo giá trị còn lại thực tế)

TT	Danh mục	Quy cách	Đơn vị tính	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng thực tế	Đơn giá (đồng)	Chất Lượng còn lại (%)	Giá trị thực tế còn lại (đồng)
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4x5x6

BÊN GIAO:
(Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ)

BÊN NHẬN: (Điện lực)
(Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ)

- | | | | |
|--------------|------------------|------------|------------------|
| - Ông: | - Chức vụ: | Ông: | - Chức vụ: |
| - Ông: | - Chức vụ: | Ông: | - Chức vụ: |
| - Ông: | - Chức vụ: | Ông: | - Chức vụ: |

Phụ lục 1.4

BIÊN BẢN Xác định cơ cấu các nguồn vốn để hoàn trả vốn theo GTCL của tài sản LDHANT

Tên Chủ sở hữu công trình:

TT	Xác định cơ cấu vốn	(10 ⁶ đồng)	TL (%)	Ghi chú
	<u>I. Xác định các nguồn vốn đã đầu tư công trình tại thời điểm xây dựng:</u>			<i>Để xác định cơ cấu vốn tương ứng trong GTCL.</i>
1	Vốn có nguồn gốc từ Ngân sách: - Ngân sách TW: từ các Chương trình Quốc gia, vốn NSNN cho các Dự án, - Ngân sách địa phương: vốn từ nguồn thuế tài nguyên để lại cho địa phương, vốn từ nguồn thuế nông nghiệp được miễn dùng để đầu tư,			
2	Vốn không xác định được nguồn:			
3	Vốn vay (của dân, của Ngân hàng và của các Tổ chức kinh tế):			
4	Vốn huy động của dân (Danh sách):			<i>Kèm bảng kê danh sách thu tiền của dân.</i>
5	Vốn đầu tư của HTX:			<i>Kèm bản kê khai.</i>
	<i>Tổng cộng (1+2+3+4+5):</i>		100	
	<u>II. Xác định vốn hoàn trả:</u>			
7	Tổng giá trị còn lại (GTCL):		100	<i>Quyết định đã phê duyệt của UBND tỉnh.</i>
8	Vốn huy động của dân: <i>(Tỷ lệ % xác định trong cơ cấu vốn đầu tư của điểm I.4. nhân với tổng GTCL)</i>	(7) x % của (4)		
9	Vốn đầu tư của HTX: <i>(Tỷ lệ % xác định trong cơ cấu vốn đầu tư của điểm I.5. nhân với tổng GTCL)</i>	(7) x % của (5)		
	<i>Tổng cộng vốn huy động của dân và vốn HTX phải hoàn trả (8+9):</i>			

BÊN NHẬN
Giám đốc Điện lực/CTĐL
(Ký tên và đóng dấu)

CHỦ TỊCH HĐND ĐỊA PHƯƠNG
(Ký tên và đóng dấu)

BÊN GIAO
Chủ sở hữu công trình
(Ký tên và đóng dấu)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG ĐGTS
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 2

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số ~~32~~ 2013/TTLT-BCT-BTC ngày 04 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và Bộ trưởng Bộ Tài chính)

UBND tỉnh, TP.:
HỘI ĐỒNG ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN
Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ CÒN LẠI LƯỚI ĐIỆN HẠ ÁP NÔNG THÔN

- Căn cứ Thông tư liên tịch số.../20.../TTLT-BCT-BTC ngày ...tháng ...năm 20... của Bộ trưởng Bộ Công Thương và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao, nhận và hoàn trả vốn đầu tư tài sản lưới điện hạ áp nông thôn;
- Căn cứ quyết định số ngày..... tháng..... năm..... của UBND tỉnh về việc thành lập Hội đồng định giá tài sản lưới điện hạ áp nông thôn tỉnh;
- Căn cứ

Hôm nay, ngày tháng năm....., tại Hội đồng định giá tài sản lưới điện hạ áp nông thôn tỉnh gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Ông(Bà):; Chức vụ:
- Ủy viên thường trực: Ông (Bà); Chức vụ:
- Ủy viên: Ông (Bà); Chức vụ:
- Ủy viên: Ông (Bà).....; Chức vụ:
- Ủy viên: Ông (Bà).....; Chức vụ:

Sau khi thẩm tra các hồ sơ & biên bản bàn giao tài sản lưới điện hạ áp nông thôn của 2 bên Giao Nhận, Hội đồng định giá tài sản thống nhất như sau:

I. Tên và khối lượng tài sản lưới điện hạ áp bàn giao:

Danh mục tên và khối lượng chi tiết từng tài sản lưới điện trung áp bàn giao được xác định theo Biên bản Giao nhận lưới điện trung áp nông thôn giữa hai bên Giao Nhận đã ký ngày..... tháng năm tại (tại Biên bản số 1 kèm theo).

Tổng cộng khối lượng đường dây hạ áp bàn giao, gồm: Chiều dài (km)

II. Hồ sơ bàn giao:

(Liệt kê danh mục, số hồ sơ và đánh giá tính hợp pháp của từng hồ sơ)

.....
.....
.....

III. Giá trị tài sản bàn giao:

1. Tổng giá trị tài sản còn lại bàn giao: đồng. Trong đó:

- Vốn từ ngân sách trung ương, địa phương, vốn từ nguồn thuế tài nguyên để lại cho địa phương, vốn các Dự án từ nguồn ngân sách, vốn từ nguồn thuế nông nghiệp được miễn để đầu tư xây dựng công trình điện, và phần vốn không xác minh được nguồn gốc: đồng.
- Phần vốn hoàn trả:
 - o Vốn vay của dân có cam kết trả (theo giấy vay nợ): đồng.
 - o Vốn vay của Ngân hàng (có kế ước vay): đồng.
 - o Vốn vay của các tổ chức kinh tế khác (theo Hợp đồng vay): đồng.
 - o Vốn huy động của dân: triệu đồng, tỷ lệ so với nguyên giá: (.... %).
 - o Vốn đồng.

IV. Kết luận của Hội đồng: (Nêu rõ các ý kiến)

.....

.....

.....

.....

Biên bản này lập thành 5 bản: 3 bản để báo cáo và UBND tỉnh, 1 bản lưu Hội đồng ĐGTS, 1 bản gửi Tổng Công ty Điện lực, 2 bản gửi bên Giao & bên Nhận để thực hiện./.

CÁC UỶ VIÊN HỘI ĐỒNG

(Ký & ghi rõ họ tên)

1.
2.
3.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký tên & đóng dấu)

Phụ lục 3

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số ~~32~~³⁹/2013/TTLT-BCT-BTC ngày 04 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và Bộ Tài chính)

Mẫu biên bản áp dụng cho các công trình đã bàn giao và hoàn tất thủ tục đến ngày Thông tư có hiệu lực, được giữ nguyên và nay lập thêm Biểu này

TỈNH, TP.:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

BIÊN BẢN

XÁC ĐỊNH PHẦN VỐN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC HOÀN TRẢ THEO GIÁ TRỊ CÒN LẠI CỦA LƯỚI ĐIỆN HẠ ÁP NÔNG THÔN

- Căn cứ Thông tư liên tịch số.../20.../TTLT-BCT-BTC ngày ...tháng ...năm 20... của Bộ trưởng Bộ Công Thương và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao, nhận và hoàn trả vốn đầu tư tài sản lưới điện hạ áp nông thôn;
- Căn cứ
- Căn cứ

Hôm nay, ngày tháng năm 20....., tại

Bên giao:

1. Ông: Chức vụ: (Chủ tài sản).
2. Ông: Chức vụ:.....
3. Ông: Chức vụ:.....

Bên nhận: Công ty Điện lực: thuộc Công ty Điện lực:

- 1 - Ông:
- 2 - Ông:
- 3 - Ông:

Sau khi

....., hai Bên giao và nhận thống nhất các số liệu cơ bản giao nhận LĐHANT như sau:

I. KHỐI LƯỢNG TÀI SẢN LƯỚI ĐIỆN HẠ ÁP NÔNG THÔN BÀN GIAO (Ghi lại):

Tên và khối lượng chi tiết từng tài sản LĐHANT bàn giao được xác định theo Biên bản Giao nhận LĐHANT giữa hai bên Giao Nhận đã ký ngày..... tháng năm tại

Tổng cộng khối lượng LDHANT bàn giao, gồm: *Chiều dài* (km).

II. XÁC ĐỊNH CƠ CẤU CÁC NGUỒN VỐN ĐÃ ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH:

1. Trường hợp nguồn vốn có đủ chứng từ gốc:

Tổng giá trị nguyên giá: đồng. Trong đó:

- Vốn từ ngân sách trung ương, địa phương, vốn từ nguồn thuế tài nguyên để lại cho địa phương, vốn các Dự án từ nguồn ngân sách, vốn từ nguồn thuế nông nghiệp được miễn để đầu tư xây dựng công trình điện, và phần vốn không xác minh được nguồn gốc: đồng.
- Vốn của cá nhân, tổ chức đồng, chiếm tỷ lệ so với nguyên giá: (..... %).
- Vốn vay:
 - Vốn vay của dân có cam kết trả (theo giấy vay nợ): đồng.
 - Vốn vay của Ngân hàng (có khế ước vay): đồng.
 - Vốn vay của các tổ chức kinh tế khác (theo Hợp đồng vay): đồng.
 - Vốn huy động của dân: đồng, tỷ lệ so với nguyên giá: (.... %).
 - Nợ thi công (nếu có): đồng.
 - Riêng phần vốn vay của tổ chức nước ngoài do địa phương và EVN thống nhất
- **Tổng GTCL của tài sản giao, nhận:** đồng.

2. Trường hợp các nguồn vốn không có đủ hồ sơ chứng từ gốc:

Lập biên bản xác định cơ cấu các nguồn vốn (*Phụ lục 1.4 đính kèm*), có xác nhận của HĐND địa phương.

3. Xác định vốn hoàn trả:

- Vốn của cá nhân, tổ chức đồng, chiếm tỷ lệ so với nguyên giá: (..... %).
- Vốn vay:
 - o Vốn vay của dân có cam kết trả (theo giấy vay nợ): đồng.
 - o Vốn vay của Ngân hàng (có khế ước vay): đồng.
 - o Vốn vay của các tổ chức kinh tế khác (theo Hợp đồng vay): đồng.
 - o Vốn huy động của dân: đồng, tỷ lệ so với nguyên giá: (.... %).
 - o Nợ thi công (nếu có): đồng.

Tổng cộng vốn hoàn trả: đồng.

(Bằng chữ:)

BÊN NHẬN KÝ

BÊN GIAO KÝ

PHẦN THẨM ĐỊNH VÀ KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG ĐỊNH GIÁ TS CẤP TỈNH

Ghi chú: Đề nghị UBND cấp tỉnh phê duyệt hoặc yêu cầu bên Giao (cá nhân, tập thể) tiếp tục hoàn chỉnh hồ sơ hoàn trả vốn đầu tư hoặc ghi các ý kiến chưa được Hội đồng nhất trí:

.....
.....
.....

Đề nghị UBND Tỉnh phê duyệt nguồn vốn đầu tư của cá nhân, tập thể theo giá trị còn lại là đồng.

(Bằng chữ). Trong đó:

- Vốn huy động của cá nhân: đồng.
- Vốn đầu tư của tập thể: đồng.

Biên bản này lập thành 05 bản: 01 bản gửi UBND cấp tỉnh/thành phố; 01 bản gửi Tập đoàn Điện lực Việt Nam; 01 bản lưu HĐĐGTS, 2 bản gửi bên Giao & bên Nhận để thực hiện ./.

CÁC UỶ VIÊN HỘI ĐỒNG

(Ký & ghi rõ họ tên)

1.
2.
3.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký tên & đóng dấu)

PHÊ DUYỆT CỦA CHỦ TỊCH UBND CẤP TỈNH